TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 3 – 2024
Về việc ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Quốc Bảo

2. Bà Võ Tuyết Kha

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Bé, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 424/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc "ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài T1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 11 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoài T1 tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V theo giấy chứng nhận kết hôn số 332 ngày 23/5/2005. Trong cuộc sống vợ chồng chị xảy nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Hoài

T1. Về con chung, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 25/5/2010, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Riêng cháu Nguyễn Nhựt L1, sinh ngày 04/4/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay hai cháu Nguyễn Diệu L và Nguyễn Nhựt L1 đang sống chung với chị. Về tài sản chung: Chị và anh T1 tự thỏa thuận, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoài T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị Võ Thị T ly hôn với anh Nguyễn Hoài T1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 25/5/2010 cho chị Võ Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Hoài T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Riêng cháu Nguyễn Nhựt L1, sinh ngày 04/4/2005 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, chị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T1. Khi khởi kiện, anh T1 trú tại ấp Phước 2, xã Vĩnh Phú Tây, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị T và anh T1 là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 xây dựng hôn nhân năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P theo giấy chứng nhận kết hôn số 332,

cấp ngày 23/5/2005 nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo chị T xác định trong quá trình chung sống chị và anh T1 xảy nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không hàn gắn được. Chị T và anh T1 đã ly thân từ tháng 11 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị T và anh T1 cũng không gặp nhau để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, như vậy anh T1 đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T1.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh T1 có 02 người con là cháu Nguyễn Nhựt L1, sinh ngày 04/4/2005 và cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 25/5/2010. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Diệu L không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu Nguyễn Nhựt L1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T1 đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của chị T nhưng anh T1 không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị T. Xét thấy, từ khi ly thân, cháu Nguyễn Diệu L sống với chị T, đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 27/12/2023, cháu Nguyễn Diệu L có nguyện vọng tiếp tục sống với chị T. Hiện nay cháu Nguyễn Diệu L phát triển tốt nên để không làm thay đổi cuộc sống ổn định và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu Nguyễn Diệu L, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị T: Giao cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 25/5/2010 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh Nguyễn Hoài T1 không phải chịu án phí.

[8] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Võ Thị T đối với anh Nguyễn Hoài T1. Cho chị Võ Thị T ly hôn với anh Nguyễn Hoài T1.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 25/5/2010 cho chị Võ Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu Nguyễn Diệu Linh đang sống với chị Võ Thị T. Anh Nguyễn Hoài T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Riêng cháu Nguyễn Nhựt L1, sinh ngày 04/4/2005 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Võ Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Võ Thị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006504 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu án phí. Anh Nguyễn Hoài T1 không phải chịu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P;
- Chi Cục THADS huyện P;
- UBND xã NĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào